

Số: 35/2026/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
của nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc
phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông
dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân;*

*Căn cứ Thông tư số 151/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo thực hiện
Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với
các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại,
tố cáo của nông dân;*

*Xét Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết
khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi tiếp công dân,
giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được giao nhiệm vụ phối hợp với Hội Nông dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg.

b) Hội Nông dân các cấp.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Số TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi xây dựng chương trình, chuyên trang, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chi thực hiện thông tin, truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tập san, bản tin, cổng thông tin điện tử	Thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hằng năm.
2	Chi biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới dạng tình huống giải đáp pháp luật	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
3	Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật	
4	Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho nông dân; thi hòa giải viên giỏi	
5	Chi bồi dưỡng người làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nông dân	Thực hiện theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
6	Chi tổ chức hoạt động đối thoại với nông dân	- Tiền nước uống: 10.000 đồng/người/ngày - Thù lao cán bộ thực hiện đối thoại: 40.000 đồng/người/ngày
7	Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức công tác tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý và kỹ năng công tác hòa giải cho cán bộ chuyên	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

Số TT	Nội dung chi	Mức chi
	trách công tác Hội, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật	trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
8	Chi cho công tác hòa giải tại cơ sở, gồm: Thù lao cho hòa giải viên; chi mua tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ công tác hòa giải	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
9	Chi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho hội viên, nông dân được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý
10	Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
11	Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành
12	Chi hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp: Chi văn phòng phẩm, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp Ban Chỉ đạo (nếu có)	Theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm
13	Chi tiền lương làm thêm giờ	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức
14	Chi công tác phí đi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc thực hiện Quyết định;	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND của Hội đồng

Số TT	Nội dung chi	Mức chi
	tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; nắm tình hình khiếu nại, tố cáo của nông dân, tổ chức đối thoại với nông dân	nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi
15	Chi hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp: Chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, hội thảo, tọa đàm của Ban Chỉ đạo	
16	Chi tổ chức hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật; trao đổi kinh nghiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tập huấn cho cán bộ Hội không chuyên trách ở cơ sở, cộng tác viên, tuyên truyền viên Câu lạc bộ Nông dân với pháp luật, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	
17	Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật <i>(bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông)</i>	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
18	Chi mua, thuê trang thiết bị và một số khoản chi mua, thuê khác phục vụ cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức các hội nghị, hội thảo, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho nông dân	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.
2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết, điều khoản sau hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 48/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum bãi bỏ nghị quyết và sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2026./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd(Đthq).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy